

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU, ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Na Rì

Căn cứ Đề án số 22-ĐA/TU, ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, Đảng ủy xã Na Rì ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên trên địa bàn xã Na Rì, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát huy vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền cơ sở hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp trên; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tiễn của địa phương. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải rõ trọng tâm, trọng điểm, khả thi, có lộ trình thực hiện cụ thể; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan và sự tham gia của Nhân dân. Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự phối hợp, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của chính quyền xã nhằm triển khai thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời thực hiện đầy đủ, thống nhất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 204-QĐ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Kế hoạch hành

động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Na Rì lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Na Rì. Qua đó thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã Na Rì phát triển đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng phục vụ Nhân dân và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Thái Nguyên.

2. Mục tiêu cụ thể

(1) Về phát triển hạ tầng:

Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt 100%, sẵn sàng phối hợp triển khai thử nghiệm mạng di động 6G; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 100%; dịch vụ truy nhập internet qua mạng thông tin di động 4G có tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40 Mbps, qua mạng thông tin di động 5G có tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 100Mbps (kết quả đo bằng ứng dụng i-Speed).

(2) Về phát triển nguồn lực:

Phân đầu bố trí, lồng ghép nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo định hướng, chỉ tiêu chung của tỉnh; 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng số, làm chủ kỹ năng số và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành; 100% dân số trưởng thành trên địa bàn xã được tiếp cận các dịch vụ số thiết yếu trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông; có cơ chế tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cấp xã.

(3) Về phát triển khoa học, công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống Nhân dân trên địa bàn xã; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, quản lý môi trường, du lịch và xây dựng nông thôn mới; phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn áp dụng các quy trình, công nghệ mới, công nghệ cao phù hợp vào sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã trong việc đăng ký, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp trên giao, bảo đảm việc áp dụng kết quả khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

(4) Về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh áp dụng các ý tưởng, mô hình, giải pháp mới trong sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, đổi mới quy

trình sản xuất, phương thức quản lý nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động; phối hợp triển khai các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo do cấp trên tổ chức; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các mô hình đổi mới sáng tạo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

(5) Về phát triển chuyển đổi số

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của chính quyền xã; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã được tiếp nhận, giải quyết trên môi trường điện tử, bảo đảm nguyên tắc phi địa giới hành chính; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, cấp kết quả điện tử; 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ toàn trình, 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến; 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 80%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 80%; 100% cán bộ, công chức xã sử dụng thống nhất các hệ thống thông tin, phần mềm quản trị, điều hành do cấp có thẩm quyền triển khai; 100% người dân trên địa bàn xã có hồ sơ sức khỏe điện tử; phân đấu cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân đủ điều kiện đạt 100%; 100% di tích cấp tỉnh trên địa bàn xã được số hóa; Đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; phân đấu xây dựng cách hệ thống báo cáo điện tử, tổng hợp số liệu theo thời gian thực thay cho báo cáo giấy phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

(6) Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Bảo đảm an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu trên địa bàn xã; 100% hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong giám sát, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin; tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của xã theo quy định; bảo đảm các hệ thống thông tin của xã được vận hành an toàn, ổn định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, công chức và Nhân dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin trên môi trường số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, các tổ chức đảng ở xã đối với công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng, mục tiêu của Trung ương và của tỉnh, trọng tâm là Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

1.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của Hội đồng nhân dân và chính quyền xã; đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

1.3. Căn cứ vào đặc thù, tiềm năng, lợi thế của địa phương, xã chủ động lựa chọn, xác định định hướng phát triển phù hợp; tập trung phát huy các lợi thế sẵn có, khai thác hiệu quả tiềm năng của địa phương, đồng thời từng bước mở rộng không gian phát triển, tạo động lực tăng trưởng mới. Việc triển khai gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo theo định hướng “AI First”, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng triển khai của cấp xã.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phân cấp; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất, phù hợp với định hướng của tỉnh.

1.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trên địa bàn xã; phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh và cơ quan có thẩm quyền trong việc theo dõi, giám sát việc áp dụng công nghệ của các dự án đầu tư, kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường. Đồng thời, đổi mới phương thức quản lý, điều hành ở cấp xã; tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

1.6. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm rõ người thực hiện, rõ nội dung công việc, rõ thời gian hoàn thành và trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách

2.1. Chủ động rà soát các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được áp dụng trên địa bàn xã; kịp thời tổng hợp, đề xuất với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản, chính sách nhằm khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và sử dụng dịch vụ số. Tập trung kiến nghị tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở cơ sở.

2.2. Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo điều kiện để cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số theo quy định. Chủ động rà soát nhu cầu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí, tăng cường, hỗ trợ nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cấp xã; phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh, cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức và các lực lượng tham gia chuyển đổi số trên địa bàn.

2.3. Phối hợp tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của xã; tạo điều kiện

thuận lợi về mặt bằng, thủ tục hành chính và môi trường đầu tư để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số đến nghiên cứu, tìm hiểu và đầu tư trên địa bàn theo định hướng, quy hoạch và chủ trương của cấp có thẩm quyền.

2.4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ thí điểm có kiểm soát (sandbox) đối với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), blockchain và các công nghệ mới trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, lâm nghiệp, đô thị thông minh trên địa bàn xã theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2.5. Phối hợp triển khai các cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, khoán chi đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn xã.

2.6. Phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; tham gia đề xuất, kiến nghị các nội dung liên quan đến việc hình thành, vận hành các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn xã tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp.

2.7. Ưu tiên bố trí, lồng ghép nguồn lực trong phạm vi ngân sách xã và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chú trọng đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức xã.

2.8. Tiếp tục rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã; tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức trong hoạt động liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phi địa giới hành chính theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực theo thẩm quyền.

2.9. Thực hiện đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công và các quy định có liên quan; phối hợp, tham gia các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư khi có đủ điều kiện. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, đào tạo nhân lực số và các hoạt động phù hợp với mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã

theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường. Từng bước hạn chế các hoạt động sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu, năng suất thấp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

3.2. Tăng cường tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến trong nước và quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây trong quản lý, sản xuất và cung cấp dịch vụ; thúc đẩy các giải pháp phục vụ phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh.

3.3. Định hướng, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất trên địa bàn xã tiếp cận, ứng dụng các nhóm công nghệ chiến lược theo định hướng của tỉnh, trọng tâm là công nghệ số, phần mềm ứng dụng, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp, công nghệ IoT phục vụ giám sát, quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3.4. Phối hợp triển khai các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; làm đầu mối nắm bắt, tổng hợp nhu cầu đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã. Phối hợp hỗ trợ kết nối, giới thiệu các chủ thể trên địa bàn xã tham gia các hoạt động xúc tiến, tư vấn, kết nối cung - cầu công nghệ, giới thiệu sản phẩm, thiết bị, giải pháp công nghệ mới; tạo điều kiện để tham gia các hội chợ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ theo hướng dẫn của cấp trên.

3.5. Phối hợp triển khai các hoạt động phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh, thanh niên, học sinh trên địa bàn xã tham gia các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Phối hợp hỗ trợ kết nối các chủ thể trên địa bàn xã với các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tham gia các hoạt động tư vấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Tạo điều kiện để các mô hình, sản phẩm đổi mới sáng tạo tiêu biểu trên địa bàn xã được giới thiệu, kết nối, hỗ trợ thương mại hóa theo quy định.

3.6. Phối hợp triển khai các chương trình, đề án, mô hình đổi mới sáng tạo do tỉnh tổ chức; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã tham gia, thụ hưởng các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3.7. Tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp tham gia các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Phối hợp triển khai, nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản

xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; tạo điều kiện để áp dụng các quy trình sản xuất theo VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

3.8. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế của xã. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực: tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch, giao thông nông thôn và nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số ở địa phương.

3.9. Phối hợp hỗ trợ kết nối, giới thiệu các mô hình, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã tham gia các chương trình, hoạt động hỗ trợ, tư vấn, kết nối với quỹ đầu tư, nhà đầu tư và mạng lưới chuyên gia do cấp có thẩm quyền tổ chức.

3.10. Phối hợp tham gia triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, tập trung vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, bức thiết trên địa bàn xã. Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; bảo vệ môi trường; chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Phối hợp triển khai, nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản; xử lý rác thải, nước thải; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hướng dẫn của cấp trên.

3.11. Tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã thực hiện đăng ký, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP; phối hợp hỗ trợ xây dựng, quản lý và phát huy giá trị nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận gắn với vùng nguyên liệu, địa danh và giá trị văn hóa bản địa theo quy định.

3.12. Tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo gắn với xây dựng, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ; phối hợp hỗ trợ giới thiệu, kết nối các sáng kiến, giải pháp hữu ích, sản phẩm đổi mới sáng tạo tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển thương hiệu, thương mại hóa theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

3.13. Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở cấp xã theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, theo dõi và giám sát tại cơ sở. Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa; tham gia quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm theo chuỗi sản xuất, tiêu thụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao tính minh bạch và chất lượng sản phẩm.

3.14. Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch hỗ trợ tổ

chức, doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng dẫn của cấp trên; góp phần nâng cao năng lực bảo đảm đo lường, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

3.15. Phối hợp rà soát, củng cố mạng lưới tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở cơ sở; tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã tham gia các hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn và xây dựng nông thôn mới theo định hướng, hướng dẫn của cấp trên.

3.16. Phối hợp thực hiện các quy định về an toàn bức xạ, hạt nhân và ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình theo hướng dẫn của sở, ngành cấp tỉnh; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân về an toàn bức xạ trong các lĩnh vực y tế, môi trường và đời sống.

3.17. Phối hợp triển khai các nội dung liên quan đến phát triển tín chỉ carbon theo định hướng, hướng dẫn của tỉnh và Trung ương.

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của xã giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng; làm nền tảng thúc đẩy xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

4.2. Phối hợp tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông triển khai các hoạt động đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật.

4.3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và doanh nghiệp viễn thông trong việc phát triển hạ tầng kết nối băng rộng, tập trung khắc phục tình trạng lùm sóng, trắng sóng trên địa bàn xã, góp phần thu hẹp khoảng cách số, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ số của người dân.

4.4. Ưu tiên tạo điều kiện phát triển hạ tầng số phục vụ các khu vực hành chính, trường học, cơ sở y tế, khu dân cư tập trung trên địa bàn xã; phối hợp triển khai, sử dụng chung hạ tầng số gắn với các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và khai thác sử dụng.

4.5. Phối hợp thực hiện việc quản lý, sử dụng đất đai, mặt bằng theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt để phục vụ triển khai các công trình hạ tầng viễn thông, hạ tầng số trên địa bàn xã theo quy định.

4.6. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các khu dân cư, nhất là khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản. Nâng cấp, mở rộng đường truyền tốc độ cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, cơ sở y tế, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

4.7. Đối với các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ phục vụ hoạt động

chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước, có trách nhiệm đánh giá, ưu tiên lựa chọn mô hình triển khai trên nền tảng điện toán đám mây theo nguyên tắc hiệu quả, tối ưu hóa nguồn lực, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, khả năng mở rộng và phù hợp với tính chất của hệ thống thông tin, mức độ nhạy cảm của dữ liệu.

4.8. Phối hợp triển khai, sử dụng các hệ thống hạ tầng số, nền tảng số dùng chung do cấp trên đầu tư, quản lý; thực hiện nghiêm các quy định về chia sẻ, khai thác, sử dụng hạ tầng số theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4.9. Phối hợp triển khai, cập nhật và khai thác các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo phân cấp; tổ chức cập nhật, bổ sung, chuẩn hóa dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ưu tiên các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, các dịch vụ liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4.10. Đưa các hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền xã lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

4.11. Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Triển khai các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Triển khai, vận hành hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số trong hoạt động của cơ quan và cung cấp dịch vụ công. Thực hiện cung cấp, công khai thông tin kịp thời cho người dân, doanh nghiệp thông qua Trang thông tin điện tử theo quy định.

5.2. Tổ chức triển khai, sử dụng các nền tảng số phục vụ điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu trong hoạt động của chính quyền xã theo phân cấp. Thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định và theo yêu cầu phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền. Tạo lập và vận hành các kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền xã trên các nền tảng số phù hợp; từng bước triển khai các giải pháp phục vụ tiếp dân trực tuyến và đăng ký lịch trực tuyến trên các nền tảng ứng dụng khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân, doanh nghiệp.

5.3. Từng bước tiếp cận, sử dụng các công cụ, giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền xã, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước ở cơ sở.

5.4. Tổ chức cập nhật, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như dân cư, đất đai, doanh nghiệp... theo phân cấp trên các nền tảng số dùng chung do cấp có thẩm quyền triển khai; thực hiện cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ

liệu theo quy định để phục vụ kết nối, liên thông với hệ thống của tỉnh và Trung ương. Hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu trong phạm vi quản lý; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý nhà nước ở cơ sở.

5.5. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã tiếp cận, tham gia các nền tảng số do Trung ương, tỉnh và các doanh nghiệp cung cấp nhằm kết nối với nhà cung cấp giải pháp công nghệ, chuyên gia, cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hoạt động giới thiệu, chia sẻ các giải pháp, mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số hiệu quả; từng bước hình thành môi trường chia sẻ tri thức, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

5.6. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn xã tham gia các chuỗi cung ứng số, sàn thương mại điện tử và nền tảng số trong nước; từng bước tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các nền tảng số theo quy định.

5.7. Nâng cấp và hoàn thiện Trang thông tin điện tử của xã; kết nối, liên thông với các cổng thông tin, nền tảng số của tỉnh nhằm hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với thị trường trong và ngoài nước; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, góp phần phát triển kinh tế số ở địa phương.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức xã về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quan tâm phát hiện, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực có năng lực, trình độ, kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Phối hợp triển khai các chính sách của tỉnh về thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

6.2. Phối hợp triển khai các chương trình, kế hoạch của cấp trên về đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo, gắn với nhu cầu thực tế; tạo điều kiện để người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã tham gia các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng về cải tiến năng suất, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định.

6.3. Tham gia rà soát, cập nhật, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn của cấp trên; tạo điều kiện thuận lợi để kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương.

6.4. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đẩy mạnh triển khai nền tảng “Bình dân học vụ số”, tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, kỹ năng số,... trên nền tảng “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh.

6.5. Nâng cao vai trò hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, xác định đây là lực lượng nòng cốt, có vai trò "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả chuyển đổi số ở cấp cơ sở; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống camera giám sát tại xã.

7.2. Phân công cán bộ phụ trách theo dõi, giám sát, cảnh báo sớm và phối hợp ứng cứu sự cố an ninh mạng tại cơ sở; chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên khi xảy ra sự cố.

7.3. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp trên về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ thông tin quan trọng của tổ chức, cá nhân trên môi trường số.

7.4. Định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang sử dụng; cử cán bộ tham gia các hoạt động diễn tập, tập huấn về phòng, chống, ứng phó sự cố an ninh mạng theo kế hoạch chung của tỉnh.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

8.1. Phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

8.2. Tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; tạo điều kiện để cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận các xu hướng, mô hình, giải pháp công nghệ mới, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ số, công nghệ xanh phù hợp với điều kiện của xã.

8.3. Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã tiếp cận, tham gia các chương trình, dự án chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ theo định hướng của tỉnh và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, đồng thời lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh theo các chương trình, dự án, nhiệm vụ được giao.

Huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân trên địa bàn xã và các nguồn tài trợ, hỗ trợ theo quy định của pháp luật để tham gia triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn xã bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, đúng chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chỉ đạo của cấp trên; định kỳ cho ý kiến chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy xã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Đề án.

3. Văn phòng Đảng ủy xã chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tham mưu giúp Ban Thường vụ Đảng ủy xã theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp các nội dung, vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xã theo quy định. Tham mưu sơ kết giữa kỳ vào năm 2028, tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện Đề án vào năm 2030.

4. Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy xã tổ chức quán triệt, phổ biến Đề án đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; phối hợp huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo đảm hiệu quả.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp phần tạo sự đồng thuận trong Nhân dân đối với việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

6. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, theo nguyên tắc 5 rõ: “Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án thành kế hoạch công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân xã. Chủ động lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo phân cấp; định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa và cuối nhiệm kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với Đảng ủy xã và cơ quan có thẩm quyền theo quy định; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Na Rì.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Đảng ủy,
- HĐND, UBND xã,
- Các đồng chí Ủy viên BTV Đảng ủy,
- Các TVBCĐ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã,
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nông Văn Nguyên